

Tăng tỷ trọng

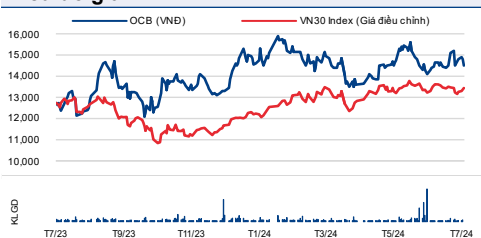
Giá mục tiêu: VNĐ17,100

Tiềm năng tăng/giảm: 17.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2024)	14,500
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,100-15,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	29,795
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,180
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,055
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	452
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.10
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.0%
Tỷ lệ freefloat	74.2%
Cổ đông lớn	NH Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	239	271	308
Dư nợ cho vay (ntđ)	145	168	195
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	8.94	11.4	12.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	3.30	4.45	5.02
BVPS (đồng)	14,313	16,133	18,578
EPS (đồng)	1,608	2,168	2,445
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	20.9	15.9	15.9
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	4.74	27.8	13.0
Tăng trưởng EPS (%)	(5.88)	34.8	12.8
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	12.1	14.2	14.1
ROAA (%)	1.52	1.75	1.74
Tỷ lệ NIM (%)	3.42	3.69	3.73
Tỷ lệ CIR (%)	35.5	30.9	30.3
Hệ số CAR (%)	11.3	11.3	11.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.75	2.59	2.19
LLR/nợ xấu (%)	29.1	63.1	71.4
Hệ số LDR (%)	115	115	115
P/B (lần)	1.01	0.90	0.78
P/E (lần)	9.02	6.69	5.93
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. Chiến lược phát triển thận trọng giúp ngân hàng duy trì tỷ lệ CAR cao và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính

ha.phien@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lê Khánh Tùng

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính

tung.lkhanh@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4844

LNTT Q2 yếu, giảm 43%

- OCB đã công bố LNTT Q2/2024 giảm 43% xuống 899 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí hoạt động tăng 55% và chi phí dự phòng tăng mạnh 225%, trong khi tổng thu nhập hoạt động cũng kém tích cực, giảm 4%. Từ đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 đạt 1,8 nghìn tỷ đồng, giảm 17%, chỉ hoàn thành 38% dự báo cả năm 2024 và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 5,7% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ so với quý trước lên 3,92%. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu vẫn tăng nhẹ lên 3,15%.
- OCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,83 lần, thấp hơn 21% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,05 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

KQKD Q2/2024 của OCB thấp hơn dự báo của chúng tôi với LNTT giảm mạnh 43% so với cùng kỳ chủ yếu do tổng thu nhập hoạt động giảm 3,8% so với cùng kỳ và chi phí tăng cao. Chi phí hoạt động tăng mạnh 45,3% so với cùng kỳ trong khi chi phí dự phòng tăng mạnh 225,4% so với cùng kỳ. Từ đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 chỉ hoàn thành 38% dự báo cả năm của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng vừa phải trong Q2

Tín dụng Q2/2024 tăng trưởng 5,7% kể từ đầu năm (tăng 1,1% so với quý trước) đạt 156 nghìn tỷ đồng, trong đó tổng dư nợ cho vay tăng 5,8% kể từ đầu năm đạt 153 nghìn tỷ đồng trong khi TPDN đi ngang kể từ đầu năm ở mức 3 nghìn tỷ đồng. HSC tin rằng phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn & DNNVV là động lực chính đẩy mạnh tăng trưởng Q2 trong khi phân khúc khách hàng cá nhân vẫn cần thêm thời gian để hồi phục.

Về nguồn huy động, tiền gửi khách hàng tăng 4,5% kể từ đầu năm (tăng 3,9% so với quý trước) đạt 131 nghìn tỷ đồng, trong khi giấy tờ có giá giảm 15% kể từ đầu năm xuống 32 nghìn tỷ đồng và vay liên ngân hàng tăng 3,7% kể từ đầu năm lên 32 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng lên 12,7% từ 11,6% tại thời điểm cuối Q1/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2024, OCB

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo HSC
Thu nhập lãi thuần	1,818	1,987	9%	3,568	3,887	9%	45%
Thu nhập ngoài lãi	545	286	-48%	884	672	-24%	24%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	251	150	-40%	374	270	-28%	27%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	62	105	70%	111	223	101%	50%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	205	(105)	-151%	333	(89)	-127%	-9%
Thu nhập khác	27	135	394%	66	269	308%	88%
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Tổng thu nhập HĐ	2,363	2,272	-4%	4,453	4,559	2%	40%
Chi phí HĐ	(657)	(955)	45%	(1,421)	(1,824)	28%	52%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	1,705	1,317	-23%	3,032	2,736	-10%	35%
Chi phí dự phòng	(129)	(419)	225%	(471)	(623)	32%	27%
LNTT	1,577	899	-43%	2,560	2,113	-17%	38%
Lợi nhuận thuần	1,261	717	-43%	2,047	1,671	-18%	38%

Nguồn: OCB, HSC

Tỷ lệ NIM hồi phục nhẹ

Tỷ lệ NIM Q2/2024 tăng 5 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 35 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 3,48%, trong đó lãi suất cho vay giảm 13 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 240 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 7,58% và chi phí huy động giảm 18 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 220 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 4,59%. Tuy nhiên, tỷ lệ NIM vẫn giảm vừa phải 35 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

Thu nhập lãi thuần Q2/2024 của OCB tăng 9% so với cùng kỳ đạt 1.987 tỷ đồng, từ đó thu nhập lãi thuần 6 tháng đầu năm 2024 đạt 3.887 tỷ đồng, hoàn thành 45% dự báo cả năm của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi giảm mạnh do lỗ mua bán trái phiếu

Thu nhập ngoài lãi Q2/2024 giảm 48% so với cùng kỳ xuống 286 tỷ đồng do lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 40% so với cùng kỳ xuống 150 tỷ đồng và lỗ mua bán trái phiếu 105 tỷ đồng (so với lãi 205 tỷ đồng trong Q2/2023).

Mảng mua bán trái phiếu kém tích cực hơn dự báo mặc dù môi trường lãi suất vẫn thuận lợi (lợi suất TPCP Việt Nam kỳ hạn 10 năm khoảng 2,8%, cao hơn mức 2,6% trong Q1 nhưng vẫn thấp hơn mức 3,3-3,4% trong năm 2023).

Chi phí hoạt động tăng sát với dự báo

Tổng chi phí hoạt động Q2/2024 tăng 45% so với cùng kỳ lên 955 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí tiền lương tăng 49% so với mức nền thấp trong Q2/2023 lên 583 tỷ đồng trong khi chi phí quản lý khác tăng mạnh 64% so với cùng kỳ lên 199 tỷ đồng. Số lượng nhân viên tăng 12% lên 6.904 nhân viên.

Chi phí hoạt động 6 tháng đầu năm 2024 tăng 28% so với cùng kỳ lên 1.824 tỷ đồng, bằng 52% dự báo và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Hệ số CIR hàng quý tăng nhẹ lên 40% từ 38% trong Q1/2024.

Chất lượng tài sản và dự phòng vẫn khiêm tốn

Tỷ lệ nợ xấu của OCB tăng lên 3,15% từ 2,9% tại thời điểm cuối Q1/2024. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 2,4% từ 2,6% tại thời điểm cuối Q1/2024. Hệ số LLR đi ngang so với quý trước ở mức 55%. Tỷ lệ nợ xấu của OCB vẫn cao so với bình quân ngành ở mức 1,94% (giảm từ 1,98% trong quý trước).

Nợ đang được giải quyết giảm xuống 1.316 tỷ đồng từ 1.515 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2024 và từ 2.979 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2023. HSC tin rằng khoản nợ này sẽ được xử lý xong trong 6 tháng cuối năm 2024.

Chi phí dự phòng tăng 225% so với cùng kỳ lên 419 tỷ đồng trong Q2/2024, bằng 1,2% dư nợ tín dụng (tăng từ 0,6% trong Q1/2024 và 0,4% trong Q2/2023). Ngân hàng đã đẩy mạnh xử lý nợ so với năm ngoái nhưng chi phí dự phòng vẫn thấp hơn kỳ vọng và chỉ bằng 27% dự báo cả năm của chúng tôi.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

OCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,83 lần, thấp hơn 21% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,05 lần. Mức định giá thấp hơn bình quân phản ánh triển vọng lợi nhuận, chất lượng tài sản và hệ số CAR khiêm tốn của OCB.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	14.1	18.1	19.4	22.5	25.9
Chi phí lãi	(7.12)	(11.4)	(10.8)	(12.6)	(14.3)
Thu nhập lãi thuần	6.95	6.77	8.62	9.94	11.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1.01	0.88	1.01	1.19	1.39
Lãi thuần HĐ KDNH	0.15	0.39	0.45	0.54	0.64
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.22)	0.65	1.04	0.93	0.75
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.64	0.25	0.30	0.30	0.30
Tổng thu nhập HĐ	8.53	8.94	11.4	12.9	14.7
Chi phí HĐ	(3.08)	(3.17)	(3.53)	(3.91)	(4.38)
LN trước dự phòng	5.46	5.77	7.89	8.99	10.3
Chi phí dự phòng	(1.07)	(1.63)	(2.32)	(2.71)	(2.89)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.39	4.14	5.57	6.28	7.41
Chi phí thuế TNDN	(0.88)	(0.84)	(1.11)	(1.26)	(1.48)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.51	3.30	4.45	5.02	5.93
EPS (đồng)	1,708	1,608	2,168	2,445	2,885
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,055	2,055	2,055	2,055	2,055
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,055	2,055	2,055	2,055	2,055
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,055	2,055	2,055	2,055	2,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.79	0.78	1.39	2.08	2.92
Tiền gửi tại NHNN	3.23	6.97	6.43	7.63	9.04
Tiền gửi tại các TCTD khác	20.6	33.9	37.3	41.0	45.1
Chứng khoán kinh doanh	0.14	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.36	0.04	0.04	0.04	0.04
Số dư cho vay thuần	118	143	165	192	223
Tổng dư nợ cho vay	120	145	168	195	226
Dự phòng rủi ro	(1.58)	(2.01)	(2.75)	(3.05)	(3.24)
Chứng khoán đầu tư	37.3	40.3	44.7	48.5	52.6
CK đầu tư sẵn sàng để bán	37.4	40.3	44.8	48.5	52.6
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.03)	(0.04)	(0.01)	(0.01)	(0.01)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.58	0.55	0.60	0.64	0.69
Tài sản khác	12.7	14.1	15.2	16.4	17.7
Tổng tài sản	194	239	271	308	351
Nợ phải trả	169	210	238	270	307
Tiền gửi của NHNN	2.59	0.09	0.09	0.09	0.09
Tiền gửi của các TCTD khác	22.6	31.0	32.9	34.2	35.6
Tổng tiền gửi KH	102	126	146	169	197
Trái phiếu và CCTG	32.0	37.8	43.5	50.0	57.5
Nợ khác	9.26	15.2	15.2	16.0	16.8
Vốn chủ sở hữu	25.3	29.4	33.1	38.2	44.1
Vốn điều lệ	13.7	20.5	20.5	20.5	20.5
Thặng dư vốn cổ phần	1.70	0.05	0.05	0.05	0.05
Lợi nhuận giữ lại	7.08	6.09	9.28	13.6	18.6
Quỹ & vốn khác của CSH	2.79	2.72	3.26	3.99	4.85
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	194	239	271	308	351
BVPS (đồng)	12,299	14,313	16,133	18,578	21,463

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	5.15	23.4	13.1	13.7	13.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	17.4	20.9	15.9	15.9	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	3.44	23.2	16.0	16.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	10.5	22.0	15.8	15.8	15.8
Tăng trưởng VCSH (%)	15.9	16.4	12.7	15.2	15.5
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	22.2	(2.62)	27.5	15.3	16.7
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	28.0	3.08	11.4	10.8	11.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(16.3)	5.68	36.8	14.0	14.6
Tăng trưởng LNTT (%)	(20.5)	(5.69)	34.5	12.8	18.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(20.3)	(5.88)	34.8	12.8	18.0
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.51	4.12	4.48	4.46	4.46
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.63)	(1.46)	(1.38)	(1.35)	(1.33)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.0	91.4	91.7	92.1	92.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.34	1.34	1.63	1.75	1.90
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	24.4	22.2	28.9	31.6	36.1
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.49	9.02	6.69	5.93	5.03
P/B (lần)	1.18	1.01	0.90	0.78	0.68
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	41.1	37.0	39.0	38.9	40.4
ROAA (%)	1.85	1.52	1.75	1.74	1.80
ROAE (%)	14.9	12.1	14.2	14.1	14.4
Chi phí huy động BQ (%)	4.55	6.41	5.15	5.28	5.28
Lợi suất góp BQ (%)	8.17	9.15	8.28	8.44	8.55
Lợi suất thuần (%)	3.62	2.74	3.13	3.17	3.28
Tỷ lệ NIM (%)	4.04	3.42	3.69	3.73	3.82
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	11.9	9.87	8.85	9.23	9.45
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.4	75.7	75.5	77.0	79.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.6	24.3	24.5	23.0	21.0
Tỷ lệ CIR (%)	36.1	35.5	30.9	30.3	29.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.3	11.3	11.3	11.3	11.3
VCSH/Tổng TS (%)	13.0	12.3	12.2	12.4	12.6
Đòn bẩy vốn (lần)	7.68	8.14	8.17	8.07	7.95
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.23	4.75	2.59	2.19	1.80
Hệ số LLR (%)	59.2	29.1	63.1	71.4	79.8
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	115	115	115	115
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.4	15.9	14.8	13.5	12.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.8	60.5	62.0	63.2	64.4
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	144	149	154	159	164
Số lượng nhân viên	6,355	6,673	7,006	7,356	7,724

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn